|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **XÃ HỒNG THƯỢNG**  Số: /KH-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hồng Thượng, ngày tháng 01 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện giảm nghèo bền vững thuộc chương trình trọng điểm Giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng Nông thôn mới năm 2021**

Thực hiện Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND xã về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021. UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện giảm nghèo bền vững thuộc chương trình trọng điểm Giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng Nông thôn mới năm 2021 với các nội dung như sau:

**I. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO CỦA HUYỆN**

Căn cứ vào kết quả rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 với các số liệu thống kê như sau:

Tổng số hộ toàn xã đầu năm 2021 có 789 hộ, với số khẩu 2.881 khẩu, trong đó, có 686 hộ dân tộc thiểu số với 2.452 khẩu, chiếm 86,94% dân số toàn xã. Hộ nghèo còn **74** hộ với **300** khẩu, chiếm tỷ lệ **9,38%**; Hộ cận nghèo còn **134** hộ với **533** khẩu, chiếm **16,98%.** Số hộ thoát nghèo là 23 hộ.

**1. Phân tích hộ nghèo, hộ cận nghèo theo mức độ thiếu hụt cơ bản.**

- Tỷ lệ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo gồm:

1. Tiếp cận các dịch vụ y tế: 0%

2. Bảo hiểm y tế: 100%

3. Trình độ giáo dục của người lớn: 28,37%

4. Tình trạng đi học của trẻ em: 8,1%

5. Chất lượng nhà ở: 29,72%

6. Diện tích nhà ở: 79,72%

7. Nguồn nước sinh hoạt: 0%

8. Hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 72,97%

9. Sử dụng dịch vụ viễn thông 2,7%

10. Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 0%

03 tiêu chí có mức độ thiếu hụt cao cần tập trung gồm: Tiêu chí 2; tiêu chí 6; tiêu chí 8.

**2. Phân tích hộ nghèo theo Dân tộc thiểu số sau điều tra**

Tổng số hộ nghèo toàn xã là 74 hộ/300 khẩu, trong đó, hộ nghèo dân tộc thiểu số là 72 hộ /287 khẩu, chiếm 97,29% hộ nghèo toàn xã.

Tổng số hộ cận nghèo toàn xã là 134 hộ/533 khẩu, trong đó, hộ cận nghèo dân tộc thiểu số là 127 hộ/502 khẩu, chiếm 94,78% hộ cận nghèo toàn xã.

**3. Phân tích hộ nghèo theo nhóm đối tượng**

Trong tổng số 74 hộ nghèo toàn xã có:

- Hộ nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công: 06 hộ, chiếm 8,11%.

- Hộ nghèo thuộc chính sách Bảo trợ xã hội: 02 hộ, chiếm 2,70%.

- Hộ dân thường: 66 hộ, chiếm 89,19%.

**II. CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP GIẢM NGHÈO NĂM 2021**

**1. Mục tiêu chung:**

Năm 2021 tiếp tục thực hiện chương trình giảm nghèo theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Cuối năm 2021, thực hiện điều tra chuẩn nghèo đa chiều mới áp dụng cho giai đoạn 2022-2025.

**2. Chỉ tiêu chủ yếu:**

**2.1 Giảm tỷ lệ hộ nghèo: 2% tương ứng với giảm khoảng 18 hộ**

***(Có Phụ lục kèm theo)***

**2.2. Đào tạo nghề và tạo việc làm**

**Đào tạo từ 15 - 20 lao động theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của các đơn vị sản xuất kinh doanh và chương trình của UBND tỉnh hỗ trợ cho con em huyện A Lưới tham gia học nghề tại trường Cao đẳng nghề Thừa Thiên Huế và các đơn vị liên quan khác.**

Tăng cường tuyên truyền tư vấn lao động đi làm việc ở nước ngoài; vận động khoảng 02 lao động đi làm việc ở nước ngoài, tạo niềm tin cho gia đình hộ nghèo và người lao động từng bước vươn lên thoát nghèo, trở thành hộ khá và có cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi trở về.

**3. Các giải pháp giảm nghèo cụ thể:**

**3.1. Giải pháp chung**

Tập trung đầu tư cho hộ nghèo thuộc chính sách có lao động, phấn đấu giảm 2% hộ nghèo chính sách thoát nghèo hàng năm.

Triển khai các mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả trên địa bàn phù hợp với điều kiện và thổ nhưỡng và trình độ dân trí.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền dạy nghề và tham gia học nghề tại các cơ sở, triển khai hướng dẫn, tư vấn tự tạo việc làm tại chỗ thông qua sự hỗ trợ của các cơ quan tổ chức khác.

Tăng cường vận động lao động tuyển lao động đi làm việc tại các khu chế xuất, truyền thông lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn xã từ 1-2 thôn. Giao chỉ tiêu mỗi thôn từ 1-2 lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ người dân tộc thiểu số tổ chức đăng ký đi xuất khẩu lao động làm việc ở nước ngoài.

**3.2 Giải pháp tăng thu nhập.**

**Tăng cường tập huấn chuyển giao khoa học kĩ thuật trong sản xuất cho các hộ thực hiện mô hình sản xuất.**

**Huy động nguồn lực để đầu tư, đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho hộ nghèo về các chiều thiếu hụt của hộ gia đình.**

**Tập trung nguồn lực, ưu tiên đầu tư về nhà ở, nước sạch, hố xí hợp vệ sinh... cho các hộ nghèo để giảm thiểu chiều thiếu hụt của các hộ dân, tăng khả năng tiếp cận với các nhu cầu xã hội cơ bản.**

**Đầu tư mạnh cho hộ đăng ký thoát nghèo, không đầu tư tràn lan, dàn trải, bình quân, hiệu quả thấp, khó thoát nghèo.**

**3.3. Xã hội hoá công tác giảm nghèo.**

**UBND các xã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành đỡ đầu giúp đỡ xã nghèo theo Kế hoạch** số 16/KH-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh về việc trợ giúp xã nghèo 2 huyện Nam Đông – A Lưới.

Đề nghị các đơn vị cấp huyện tích cực hỗ trợ các xã nghèo theo phân công của UBND huyện tại Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 20/02/2017 về việc Phân công các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, trường học giúp đỡ các xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%.

**Tiếp tục đề nghị cơ quan cấp tỉnh hỗ trợ nhà ở, trợ giúp nhà vệ sinh, nước sạch cho các xã và chương trình hỗ trợ khác.**

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Uỷ ban nhân dân xã**

Xây dựng Kế hoạch giảm nghèo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn quản lý. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo. Có chỉ tiêu định hướng giảm nghèo cụ thể cho các thôn.

- Phối hợp với các ngành đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chính sách giảm nghèo, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo của năm.

**- Theo dõi, tổng hợp các cơ quan cấp tỉnh, các phòng ban, trường học đóng trên địa bàn huyện, tham gia hỗ trợ giúp đỡ các xã nghèo báo cáo Uỷ ban nhân dân huyện thông qua Phòng LĐTBXH.**

Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã Hội huyện bám sát các mục tiêu nguồn vốn, cân đối nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng của Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách, hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, thôn bản đặc biệt khó khăn.

Phối hợp với Phòng Dân tộc trong việc thực hiện các chính sách, chương trình dự án đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn nói riêng về vốn vay không lãi, hỗ trợ hộ nghèo về nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh, nhà ở để các hộ có cơ hội thoát nghèo.

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp triển khai thực hiện các hoạt động dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; hỗ trợ sản xuất, tăng thu nhập cho người nghèo; hướng dẫn thực hiện các chính sách, dự án về khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công, phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề truyền thống, tiểu thủ công nghiệp. Chỉ đạo triển khai có hiệu quả Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường gắn với Chương trình giảm nghèo bền vững.

**2. Đề nghị Uỷ ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội**

Theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức vận động nhân dân, hội viên đoàn viên tham gia thực hiện kế hoạch giảm nghèo; phát động các phong trào để giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ ngày công để làm nhà ở, phát triển sản xuất và đẩy mạnh cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”. Kêu gọi các tổ chức cá nhân, ủng hộ giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo.

**3. Đề nghị** **các đơn vị đỡ đầu**

Vận động các nguồn lực từ cơ quan đơn vị mình, các chương trình dự án, các nhà hảo tâm để giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất.

Hướng dẫn hộ nghèo tiếp cận các nguồn vốn, kỹ thuật, kiến thức về sản xuấ, chăn nuôn, kinh doanh từng bước vươn lên làm giàu chính đáng.

Phối kết hợp với UBND xã trong các hoạt động, phân công cán bộ phụ trách phối hợp, theo dõi hoạt động trợ giúp cùng với UBND xã.

Tập trung vào các hoạt động trợ giúp mang tính bền vững, hạn chế các hoạt động cho không dẫn đến người dân thụ động, trông chờ vào nguồn trợ giúp.

**4. Các thôn**

Căn cứ vào kế hoạch giảm nghèo và phân bổ chỉ tiêu của Uỷ ban nhân dân xã các thôn tổ chức vận động các hộ gia đình nghèo đăng ký thoát nghèo. Yêu cầu những hộ đăng ký thoát nghèo phải có khả năng thoát nghèo như nguồn nhân lực, tư liệu sản xuất.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện giảm nghèo bền vững thuộc chương trình trọng điểm Giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng Nông thôn mới năm 2021 của UBND xã Hồng Thượng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng LĐTB&XH;  - Các đơn vị đỡ đầu;  - Thường vụ Đảng ủy;  - Thường trực HĐND xã;  - Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND;  - Lưu: VT, LĐTBXH xã. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

**KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO NĂM 2021**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND xã)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Dân số đầu 2021** | | **Số hộ nghèo  Đầu năm 2021** | | **Số hộ nghèo cuối   năm 2021** | |
| **Tổng số hộ** | **Tổng số khẩu** | ***Số hộ*** | ***Tỷ lệ (***%) | ***Số hộ*** | ***Tỷ lệ***  ***(***%) |
| 1 | A Xáp | 78 | 283 | 17 | 21.79 | 13 | 16.67 |
| 2 | A Đên | 89 | 330 | 13 | 14.61 | 10 | 11.24 |
| 3 | Cân Sâm | 128 | 493 | 11 | 8.59 | 09 | 7.03 |
| 4 | Ky Ré | 164 | 561 | 14 | 8.54 | 11 | 6.71 |
| 5 | Cân Tôm | 105 | 355 | 6 | 5.71 | 5 | 4.76 |
| 6 | Cân Te | 90 | 366 | 4 | 4.44 | 3 | 3.33 |
| 7 | Hợp Thượng | 135 | 493 | 9 | 6.67 | 7 | 5.19 |
| **Tổng cộng** | | **789** | **2.881** | **74** | **9.38** | **58** | **7.35** |

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGHỀ VÀ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG NĂM 2021**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND xã)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Dân số đầu năm 2021** | | **Chỉ tiêu năm 2021** | |
| **Tổng số hộ** | **Tổng số khẩu** | **Học nghề** | **Đi làm việc ở nước ngoài** |
| 1 | A Xáp | 78 | 283 | 03 | 0 |
| 2 | A Đên | 89 | 330 | 03 | 0 |
| 3 | Cân Sâm | 128 | 493 | 03 | 0 |
| 4 | Ky Ré | 164 | 561 | 03 | 0 |
| 5 | Cân Tôm | 105 | 355 | 03 | 0 |
| 6 | Cân Te | 90 | 366 | 03 | 01 |
| 7 | Hợp Thượng | 135 | 493 | 03 | 01 |
|  | **Tổng cộng** | **789** | **2.881** | **21** | **02** |